



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Đắk Lắk

Số 56

Ngày 19 tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

Trích yếu nội dung

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

31-7-2024	Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.	2
16-8-2024	Quyết định số 29/2024/QĐ-UBND về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk.	10

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28/2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH**Quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ khoản 4 Điều 14 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Điều 3 Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh tại Tờ trình số 311/TTr-CAT ngày 29 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở.

Điều 2. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk: 2.199 Tổ, tương đương 2.199 thôn, buôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh.

2. Số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự đối với từng đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh bố trí theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định

này. Việc bố trí thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được thực hiện theo lộ trình và không vượt quá tổng số thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự của đơn vị hành chính cấp xã.

3. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định số lượng cụ thể thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở từng thôn, buôn, tổ dân phố phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định tiêu chí thành lập, tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và chế độ hỗ trợ, bồi dưỡng cho lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk và yêu cầu thực tiễn.

4. Số liệu quy mô dân số (bao gồm dân số thường trú và dân số tạm trú) đến ngày 31 tháng 12 hàng năm để xác định số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự thực hiện theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư. Trường hợp có sự điều chỉnh tăng, giảm số lượng thành viên, số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự theo quy định tại Điều 17 Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở năm 2023 thì Công an tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. Việc giảm số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được thực hiện theo lộ trình và phù hợp yêu cầu thực tiễn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Giao Công an tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

Điều 4. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 09 tháng 8 năm 2024.
- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

Phụ lục

SỐ LƯỢNG TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ VÀ SỐ LƯỢNG THÀNH VIÊN TỔ BẢO VỆ AN NINH, TRẬT TỰ ĐỐI VỚI TỪNG ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẮK LẮK

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2024 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

STT	Đơn vị hành chính cấp xã	Số lượng Tổ bảo vệ an ninh, trật tự	Số lượng thành viên Tổ bảo vệ, an ninh trật tự			
			Tổng số	Tổ trưởng	Tổ phó	Tổ viên
I	Thành phố Buôn Ma Thuột					
1	Phường Tân Tiến	13	66	13	13	40
2	Phường Khánh Xuân	16	53	16	16	21
3	Phường Thống Nhất	7	21	7	7	7
4	Phường Tân Lập	12	41	12	12	17
5	Phường Ea Tam	11	41	11	11	19
6	Phường Tự An	12	42	12	12	18
7	Phường Thắng Lợi	7	22	7	7	8
8	Phường Tân Thành	13	43	13	13	17
9	Phường Tân Lợi	17	58	17	17	24
10	Phường Thành Công	13	42	13	13	16
11	Phường Tân Hòa	10	34	10	10	14
12	Phường Tân An	12	41	12	12	17
13	Phường Thành Nhất	8	30	8	8	14
14	Xã Hòa Thuận	8	27	8	8	11
15	Xã Hòa Phú	15	46	15	15	16
16	Xã Cư Êbur	7	40	7	7	26
17	Xã Ea Tu	12	64	12	12	40
18	Xã Hòa Xuân	8	24	8	8	8
19	Xã Ea Kao	14	73	14	14	45
20	Xã Hòa Thắng	11	61	11	11	39
21	Xã Hòa Khánh	20	100	20	20	60
II	Thị xã Buôn Hồ					
22	Phường Đạt Hiếu	7	21	7	7	7
23	Phường An Bình	8	25	8	8	9
24	Phường An Lạc	9	27	9	9	9

25	Phường Thiện An	8	24	8	8	8
26	Phường Đoàn Kết	4	12	4	4	4
27	Phường Thống Nhất	10	32	10	10	12
28	Phường Bình Tân	5	25	5	5	15
29	Xã Cư Bao	18	90	18	18	54
30	Xã Bình Thuận	22	66	22	22	22
31	Xã Ea Siên	8	24	8	8	8
32	Xã Ea Drông	19	95	19	19	57
33	Xã Ea Blang	5	15	5	5	5
III	Huyện Cư Kuin					
34	Xã Ea Ktur	19	95	19	19	57
35	Xã Ea Tiêu	21	107	21	21	65
36	Xã Ea Bhôk	17	87	17	17	53
37	Xã Dray Bhang	5	29	5	5	19
38	Xã Cư Êwi	9	27	9	9	9
39	Xã Hòa Hiệp	8	26	8	8	10
40	Xã Ea Ning	15	45	15	15	15
41	Xã Ea Hu	8	27	8	8	11
IV	Huyện Ea H'Leo					
42	Thị trấn Ea Drăng	16	50	16	16	18
43	Xã Ea Tir	8	40	8	8	24
44	Xã Ea H'Leo	15	75	15	15	45
45	Xã Ea Sol	19	95	19	19	57
46	Xã Cư A Mung	7	35	7	7	21
47	Xã Ea Khal	12	60	12	12	36
48	Xã Cư Mốt	11	33	11	11	11
49	Xã Ea Wy	18	54	18	18	18
50	Xã Ea Ral	14	70	14	14	42
51	Xã Ea Nam	19	95	19	19	57
52	Xã Dliê Yang	16	80	16	16	48
53	Xã Ea Hiao	21	105	21	21	63
V	Huyện Lắk					
54	Thị trấn Liên Sơn	10	30	10	10	10
55	Xã Đăk Liêng	18	90	18	18	54
56	Xã Buôn Tría	8	24	8	8	8

57	Xã Buôn Triết	12	60	12	12	36
58	Xã Bông Krang	11	55	11	11	33
59	Xã Yang Tao	10	50	10	10	30
60	Xã Đăk Nuê	10	50	10	10	30
61	Xã Đăk Phơi	9	45	9	9	27
62	Xã Krông Nô	13	65	13	13	39
63	Xã Nam Ka	4	20	4	4	12
64	Xã Ea Rbin	4	20	4	4	12
VI	Huyện Krông Ana					
65	Thị trấn Buôn Trấp	15	82	15	15	52
66	Xã Dray Sáp	8	41	8	8	25
67	Xã Ea Na	12	60	12	12	36
68	Xã Ea Bông	13	65	13	13	39
69	Xã Băng Adrênh	6	30	6	6	18
70	Xã Bình Hòa	7	21	7	7	7
71	Xã Quảng Điền	4	14	4	4	6
72	Xã Dul Kmăl	7	36	7	7	22
VII	Huyện Krông Bông					
73	Thị trấn Krông Kmar	7	21	7	7	7
74	Xã Yang Reh	7	35	7	7	21
75	Xã Ea Trul	9	45	9	9	27
76	Xã Hòa Sơn	15	75	15	15	45
77	Xã Khuê Ngọc Điền	12	36	12	12	12
78	Xã Hòa Tân	6	18	6	6	6
79	Xã Hòa Thành	6	18	6	6	6
80	Xã Cư Kty	8	24	8	8	8
81	Xã Dang Kang	8	24	8	8	8
82	Xã Hòa Lễ	11	33	11	11	11
83	Xã Hòa Phong	12	60	12	12	36
84	Xã Cư Pui	13	67	13	13	41
85	Xã Cư Đrăm	12	60	12	12	36
86	Xã Yang Mao	7	35	7	7	21
VIII	Huyện Krông Búk					
87	Thị trấn Pong Drang	20	60	20	20	20
88	Xã Tân Lập	8	24	8	8	8

89	Xã Cư Pong	17	85	17	17	51
90	Xã Ea Sin	7	35	7	7	21
91	Xã Ea Ngai	6	18	6	6	6
92	Xã Cư Né	21	105	21	21	63
93	Xã Chứ K'Bô	18	90	18	18	54
IX	Huyện Krông Năng					
94	Thị trấn Krông Năng	11	33	11	11	11
95	Xã Ea Tóh	18	54	18	18	18
96	Xã Phú Xuân	28	84	28	28	28
97	Xã Phú Lộc	15	45	15	15	15
98	Xã Ea Puk	7	21	7	7	7
99	Xã Ea Tam	16	80	16	16	48
100	Xã Cư Klông	8	24	8	8	8
101	Xã DLiê Ya	23	115	23	23	69
102	Xã Ea Tân	16	48	16	16	16
103	Xã Ea Hồ	14	70	14	14	42
104	Xã Tam Giang	10	30	10	10	10
105	Xã Ea Dăh	11	33	11	11	11
X	Huyện M'Drăk					
106	Thị trấn M'Drăk	8	40	8	8	24
107	Xã Ea Lai	7	21	7	7	7
108	Xã Cư Prao	12	36	12	12	12
109	Xã Ea H'Mlây	6	18	6	6	6
110	Xã Krông Jing	17	85	17	17	51
111	Xã Ea Trang	10	50	10	10	30
112	Xã Cư M'Ta	11	55	11	11	33
113	Xã Ea Riêng	10	30	10	10	10
114	Xã Cư San	12	60	12	12	36
115	Xã Krông Á	7	35	7	7	21
116	Xã Cư Króa	5	25	5	5	15
117	Xã Ea M'Doal	8	24	8	8	8
118	Xã Ea Pil	8	24	8	8	8
XI	Huyện Buôn Đôn					
119	Xã Ea Bar	19	95	19	19	57
120	Xã Cuôr Knia	13	39	13	13	13

121	Xã Tân Hòa	15	45	15	15	15
122	Xã Ea Nuôi	14	70	14	14	42
123	Xã Ea Wer	11	55	11	11	33
124	Xã Ea Huar	7	21	7	7	7
125	Xã Krông Na	8	40	8	8	24
XII	Huyện Ea Kar					
126	Thị trấn Ea Kar	16	48	16	16	16
127	Thị trấn Ea Knốp	12	36	12	12	12
128	Xã Ea Đar	19	96	19	19	58
129	Xã Cư Ni	22	110	22	22	66
130	Xã Ea Tih	13	39	13	13	13
131	Xã Ea Sar	13	65	13	13	39
132	Xã Ea Sô	7	35	7	7	21
133	Xã Cư Huê	16	80	16	16	48
134	Xã Xuân Phú	10	30	10	10	10
135	Xã Ea Kmút	15	45	15	15	15
136	Xã Ea Ô	19	57	19	19	19
137	Xã Cư Elang	11	55	11	11	33
138	Xã Ea Păl	12	36	12	12	12
139	Xã Cư Yang	14	42	14	14	14
140	Xã Cư Bông	12	60	12	12	36
141	Xã Cư Prông	9	27	9	9	9
XIII	Huyện Cư M'gar					
142	Thị trấn Quảng Phú	9	31	9	9	13
143	Thị trấn Ea Pôk	12	41	12	12	17
144	Xã Cư Suê	10	50	10	10	30
145	Xã Ea M'ngang	8	25	8	8	9
146	Xã Quảng Tiến	6	18	6	6	6
147	Xã Quảng Hiệp	12	37	12	12	13
148	Xã Cư M'gar	11	55	11	11	33
149	Xã Ea M'Droh	10	50	10	10	30
150	Xã Ea H'đing	8	42	8	8	26
151	Xã Ea Kiết	13	65	13	13	39
152	Xã Ea Tar	10	50	10	10	30
153	Xã Ea Kuêh	11	55	11	11	33

154	Xã Cư Dliê M' nông	14	42	14	14	14
155	Xã Ea Tul	11	57	11	11	35
156	Xã Ea Kpam	7	35	7	7	21
157	Xã Ea Drong	13	66	13	13	40
158	Xã Cuôr Đăng	6	33	6	6	21
XIV	Huyện Krông Pắc					
159	Thị trấn Phước An	13	42	13	13	16
160	Xã Hòa Đông	18	90	18	18	54
161	Xã Ea Knuéc	14	70	14	14	42
162	Xã Ea Kênh	14	42	14	14	14
163	Xã Ea Yông	20	100	20	20	60
164	Xã Vụ Bồn	19	97	19	19	59
165	Xã Ea Kly	24	72	24	24	24
166	Xã Krông Búk	24	72	24	24	24
167	Xã Ea Phê	29	145	29	29	87
168	Xã Ea Kuăng	13	39	13	13	13
169	Xã Ea Hiu	11	55	11	11	33
170	Xã Hòa An	18	54	18	18	18
171	Xã Ea Yiêng	5	16	5	5	6
172	Xã Ea Uy	9	27	9	9	9
173	Xã Tân Tiến	11	33	11	11	11
174	Xã Hòa Tiến	7	21	7	7	7
XV	Huyện Ea Súp					
175	Thị trấn Ea Súp	8	24	8	8	8
176	Xã Cư M' Lan	19	95	19	19	57
177	Xã Ea Lê	6	30	6	6	18
178	Xã Ea Bung	8	24	8	8	8
179	Xã Ia Jloi	11	57	11	11	35
180	Xã Cư Kbang	12	36	12	12	12
181	Xã Ia Rvê	6	18	6	6	6
182	Xã Ya Tờ Mốt	15	75	15	15	45
183	Xã Ea Rók	12	60	12	12	36
184	Xã Ia Lóp	19	57	19	19	19
Tổng cộng		2.199	9.055	2.199	2.199	4.657

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Số: 29/2024/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đắk Lắk, ngày 16 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của
Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp
và Phát triển nông thôn tỉnh Đắk Lắk**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19/11/2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25/11/2013;

*Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy
định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc
Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của
Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, thành
phố trực thuộc Trung ương;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2014/NĐ-CP ngày 04/12/2014 của Chính phủ
quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật;*

*Căn cứ điểm d, khoản 1, Điều 2 Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày
30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hướng dẫn
chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và
phát triển nông thôn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 135/TTr-SNN ngày 23/7/2024 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ,
quyền hạn của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thuộc Sở Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn (Sở NN&PTNT) tỉnh Đắk Lắk.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (sau đây gọi tắt là Chi cục) là tổ chức hành chính trực thuộc Sở NN&PTNT, giúp Giám đốc Sở NN&PTNT tham mưu cho UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước chuyên ngành và tổ chức thực thi pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật, kiểm dịch thực vật nội địa theo quy định của pháp luật chuyên ngành và thuộc phạm vi lĩnh vực được giao trên địa bàn tỉnh.

Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở NN&PTNT; đồng thời, chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, giám sát về chuyên môn, nghiệp vụ của Cục Trồng trọt và Cục Bảo vệ thực vật trực thuộc Bộ NN&PTNT theo quy định của pháp luật.

2. Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn; kinh phí hoạt động do ngân sách Nhà nước cấp theo quy định.

3. Trụ sở của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật đặt tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Giúp Giám đốc Sở NN&PTNT thực hiện chức năng tham mưu UBND cấp tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật về trồng trọt, bảo vệ và kiểm dịch thực vật:

a) Tham mưu, trình UBND tỉnh dự thảo quyết định liên quan đến lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở NN&PTNT và các văn bản khác theo phân công của UBND tỉnh.

b) Tham mưu, trình UBND tỉnh dự thảo kế hoạch, chương trình, dự án, đề án, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở NN&PTNT trên địa bàn tỉnh.

c) Tham mưu, trình UBND tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp với địa phương, cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa trên địa bàn; kế hoạch phát triển trồng trọt của địa phương; chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; kế hoạch phòng chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa.

2. Giúp Giám đốc Sở NN&PTNT thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật:

a) Chỉ đạo thực hiện cơ cấu giống, thời vụ, kỹ thuật canh tác, thu hoạch, bảo quản, chế biến sản phẩm nông nghiệp; xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn; tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động trồng trọt trên địa bàn tỉnh và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về trồng trọt; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ và kiểm dịch thực vật.

b) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động trồng trọt; phát triển vùng sản xuất cây trồng, sản xuất nông sản thực phẩm an toàn trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện kế hoạch sử dụng, bảo vệ và cải tạo nâng cao độ phì đất nông nghiệp, chống xói mòn, sa mạc hóa và sạt lở đất; thực hiện cấp mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

c) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định.

d) Tổ chức thực hiện quản lý giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

đ) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về giống cây trồng, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực trồng trọt trên địa bàn tỉnh sau khi được UBND cấp tỉnh phê duyệt.

e) Hướng dẫn và tổ chức xây dựng mô hình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) trong nông nghiệp.

3. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở NN&PTNT tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong về lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

4. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở NN&PTNT tổ chức thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật về nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp kết hợp công nghiệp, nông nghiệp kết hợp dịch vụ, tăng trưởng xanh, kinh tế chia sẻ trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

5. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở NN&PTNT tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật, phân công, ủy quyền của Sở NN&PTNT và hướng dẫn của Bộ NN&PTNT.

6. Tham mưu, giúp Giám đốc Sở NN&PTNT hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng NN&PTNT thuộc UBND huyện, Phòng Kinh tế thuộc UBND thị xã, thành phố; phối hợp công tác, chế độ thông tin báo cáo với cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện, thị xã, thành phố.

7. Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

8. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào sản xuất nông nghiệp thuộc lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh.

9. Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

10. Thực hiện chương trình cải cách hành chính trong lĩnh vực trồng trọt, bảo vệ thực vật.

11. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị trực thuộc Chi cục.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức,

vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc của Chi cục; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công hoặc ủy quyền của Sở NN&PTNT.

13. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Giám đốc Sở NN&PTNT.

14. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Sở NN&PTNT và Cục Trồng trọt, Cục Bảo vệ thực vật.

15. Thực hiện nhiệm vụ khác do Giám đốc Sở NN&PTNT giao và theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28/8/2024.

Bãi bỏ Điều 1, Điều 2 Quyết định số 292/QĐ-SNN ngày 02/02/2016 của Giám đốc Sở NN&PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Sở NN&PTNT chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: NN&PTNT, Nội vụ, Tư pháp, Tài chính; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Ngọc Nghị

VĂN PHÒNG UBND TỈNH ĐẮK LẮK XUẤT BẢN

Địa chỉ : Số 09 Lê Duẩn - TP. Buôn Ma Thuột - tỉnh Đắk Lắk

Điện thoại : 080.50557 - 080.50584

Fax : 080.50554

E-mail: congbao@daklak.gov.vn

Website: <http://congbao.daklak.gov.vn>

In tại:

Giá: đồng